

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN MINH  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 27 tháng 01 năm 2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hoàng Văn Đạng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thoả;
2. Bà Phan Thị Bình.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà:** Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quan Thị Nhật L; sinh năm: 1994; nghề nghiệp: Giáo viên; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Xuân Q; sinh năm: 1987; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2021 và Bản tự khai đề ngày 05/10/2021 của nguyên đơn chị Quan Thị Nhật L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Xuân Q, sinh năm 1987, trú tại: Thôn Q nay là tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, qua thời gian

tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 25/7/2014 tại UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc kể từ khi kết hôn cho đến thời điểm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống trái ngược nhau dẫn đến cuộc sống chung không có sự hòa hợp và thường xuyên cãi vã, đánh đập lẫn nhau, khiến đời sống hôn nhân không hạnh phúc, một nguyên nhân khác là do anh Q thường xuyên có mối quan hệ không trong sáng với những người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, mặc dù nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Q vẫn không thay đổi tính tình trái lại còn mâu thuẫn trầm trọng hơn, dẫn đến hai người sống ly thân nhau không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Cho đến nay cả hai không còn tình cảm gì với nhau nữa, bản thân chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể khắc phục được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài thêm được nữa, vì mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Đỗ Xuân Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị L và anh Q có 01 con chung là cháu Đỗ Hải Y, sinh ngày 16/11/2013, hiện cháu Y đang học tập và ở cùng chị L, do vậy khi ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đỗ Xuân Q: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của vụ án, tuy nhiên anh Q không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Mặt khác Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang để lấy lời khai trình bày quan điểm của anh Q về việc giải quyết vụ án nhưng anh Q đều trốn tránh, không có mặt tại địa phương nơi cư trú, đồng thời cũng không có văn bản nêu ý kiến, yêu cầu của mình đối với việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án, do vậy trong hồ sơ không có yêu cầu, tài liệu, chứng cứ của bị đơn anh Đỗ Xuân Q.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/11/2021 có mặt nguyên đơn chị Quan Thị Nhật L, vắng mặt bị đơn anh Đỗ Xuân Q không có lý do, tại phiên họp chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại các Biên bản xem xét nguyện vọng của con chung ngày 17/11/2021 đối với cháu Đỗ Hải Yến, sinh ngày 16/11/2013 là con chung của chị Lệ và anh Quang, cháu Yến có nguyện vọng được chị Lệ là người chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại các Biên bản xác minh ngày 17/11/2021, ngày 18/11/2021, ngày 21/11/2021 và ngày 24/11/2021 tại nơi cư trú, nơi công tác, hàng xóm của chị L đã xác minh làm rõ được chị Quan Thị Nhật L và anh Đỗ Xuân Q có đăng ký kết hôn năm 2014, quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và hiện hai anh chị đang sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, mâu thuẫn giữa chị L và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được; về con chung chị L và anh Q có 01 con chung hiện đang ở và học tập cùng với L; về điều kiện công việc và thu nhập hiện chị L đang là viên chức Giáo viên công tác tại trường Mầm non L, huyện Y, tỉnh Hà Giang có mức thu nhập ổn định từ lương là 7.870.000 đồng/tháng; đối với anh Q là lao động tự do tại địa phương không có công ăn việc làm ổn định, theo mức thu nhập bình quân trên địa bàn tổ dân phố Q, thị trấn V là 30.000.000 đồng/1 người/ 1 năm tức trung bình là 2.500.000 đồng/1 người /1 tháng.

Tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn chị Quan Thị Nhật L vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q; về con chung chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi và không đề nghị anh Q phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và công nợ chung chị L xác nhận không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Xuân Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do vậy không có quan điểm yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh tham gia phiên toà có quan điểm:

1. Việc chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử Thư ký phiên toà, nguyên đơn chấp hành đầy đủ pháp luật Tổ tụng dân sự đã quy định, riêng bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý do hành vi của mình đã thực hiện.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Quan Thị Nhật L, cho chị Quan Thị Nhật L được ly hôn anh Đỗ Xuân Q.

- Về con chung: Cần giao con là cháu Đỗ Hải Y cho chị Lệ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh Quang không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn chị Quan Thị Nhật L, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về Việc chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn chấp hành đầy đủ pháp luật Tổ tụng dân sự đã quy định, riêng bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Toà án: Chị Quan Thị Nhật L có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đỗ Xuân Q, mặc dù anh Q đang cư trú tại tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, tuy nhiên giữa chị L và anh Q có Biên bản thỏa thuận, lựa chọn nơi giải quyết ly hôn ngày 04/01/2021 là Toà án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang, do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Minh.

[3] Việc bị đơn vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh Q và tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, do anh Q vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án; ngày 13/01/2022 Toà án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh Q vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên toà, việc anh Q không đến Toà án để giải quyết vụ án là trường hợp cố tình trốn tránh, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử lần hai vắng mặt bị đơn anh Đỗ Xuân Q.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quan Thị Nhật L và anh Đỗ Xuân Q đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/7/2014 tại UBND thị trấn Y trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống trái ngược nhau dẫn đến cuộc sống chung không có sự hòa hợp, thường xuyên cãi vã, đánh đập lẫn nhau, khiến đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Q được chứng minh tại các tài liệu do Toà án thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận mâu thuẫn giữa chị L và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù phía bị đơn không có ý kiến quan điểm về vấn đề này tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở cần được chấp nhận đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị L và anh Q có 01 con chung là Đỗ Hải Y, sinh ngày 16/11/2013, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Q

cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ năm 2018 chị L và anh Q sống ly thân nhau đến nay cháu Y ở với chị L, mặt khác xét tình hình thực tế về điều kiện, khả năng nuôi con thì chị L có điều kiện để nuôi con tốt hơn anh Q, vì hiện tại chị L đang là viên chức Giáo viên, có công việc và thu nhập ổn định, anh Q làm nghề lao động tự do không có thu nhập ổn định, hiện tại anh Q không có mặt tại địa phương nên xử giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với mong muốn nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L một lần nữa xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Quan Thị Nhật L phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51 khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Quan Thị Nhật L, cho chị Quan Thị Nhật L được ly hôn anh Đỗ Xuân Q.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hải Y, sinh ngày 16/11/2013 cho chị Quan Thị Nhật L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Y đến đủ 18 tuổi, anh Đỗ Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Chị Quan Thị Nhật L phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số: 51BB-21P 0005001 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Văn Đạng**